

Số: 58/2020/QĐST-HNGĐ

Quảng Trach, ngày 30 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bạch T. Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: Anh Võ Viết T1; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Bạch T và anh Võ Viết T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Trung K, sinh ngày 01/6/2014 và Võ Khánh D, sinh ngày 21/10/2016. Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh T1 thống nhất thỏa thuận: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 ngôi nhà trên đất được xây dựng trên đất của bà Hoàng Thị L (là mẹ ruột của chị Trần Thị Bạch T) có địa chỉ tại Thôn 4, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có giá trị 240.000.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị T được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và chị T phải giao tiền chênh lệch tài sản cho anh T1 số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn giao tiền chậm nhất vào ngày 30/7/2023.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị Bạch T nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn, 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.000.000 đồng án phí chia tài sản chung. Số tiền án phí mà chị T phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai số 0001247, ngày 20 tháng 4 năm 2020. Số tiền án phí mà chị T còn phải nộp là 3.000.000 đồng.

Anh T1 phải chịu 3.000.000 đồng án phí chia tài sản chung để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Xét anh T1 có đơn đề nghị giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T1 là lao động chính trong gia đình, công việc là công nhân, thu nhập không ổn định đơn có xác nhận của UBND xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vì vậy Tòa án giảm 50% số tiền án phí cho anh T1. Số tiền án phí mà anh T1 còn phải nộp là 1.500.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Phương